

Bản án số: **10/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 15/7/2025

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lil;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phùng Văn Long;

2. Ông Lê Văn Nghĩa;

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Liễu Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Duy Ngọc Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3-Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2025/TLST-HNGĐ ngày 07/5/2025 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2025/QĐXXST-HN ngày 23/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2025/QĐST-DS ngày 27/6/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thùy Nguyệt Q**, sinh năm 1997 (có mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã LĐ, tỉnh Đồng Tháp (trước đây là ấp H, xã NB, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang).

2. *Bị đơn:* **Phạm Văn T**, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã LĐ, tỉnh Đồng Tháp (trước đây là ấp H, xã NB, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thùy Nguyệt Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NB vào ngày 06/5/2016. Quá trình chung sống, đến năm 2023 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh T thường xuyên kiểm chuyện cãi vã, chửi bới đánh đập chị vô cớ. Vì con chị cố chịu đựng và khuyên anh T khắc phục sửa chữa, vợ chồng hạnh phúc cùng

nhau chăm sóc nuôi con, nhưng anh T ngày càng lạnh nhạt, đối xử tệ bạc với chị, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng vợ chồng không hạnh phúc nên chị đã sống ly thân với anh T từ tháng 2 năm 2024 đến nay không còn quan hệ gì. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ, vì vậy chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con chung: Có hai con chung là Phạm Đăng K, sinh ngày 20/10/2015 hiện nay đang sống với anh T, cháu Phạm Thị Q A, sinh ngày 03/4/2021 hiện nay đang sống với chị. Chị yêu cầu Tòa án giao cháu Phạm Đăng K cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Phạm Thị Q A cho chị nuôi dưỡng, chị và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có;

Về nợ chung: Không có;

Bị đơn anh Phạm Văn T đã được triệu tập họp lệ, nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến về việc khởi kiện của chị Q.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đúng quy định.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của họ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành và thực hiện đúng

Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát có lập luận lý do chị Q xin ly hôn là có căn cứ do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, có nhiều mâu thuẫn và mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn;

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu K cho anh T tiếp tục nuôi, giao cháu A cho chị Q trực tiếp nuôi. Chị Q, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử xét thấy.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thùy Nguyệt Q và anh Phạm Văn T sống chung với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NB cũ theo Giấy đăng ký kết hôn số 60/2016 ngày 06/5/2016 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về tố tụng: Anh Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thùy Nguyệt Q; Hội đồng xét xử nhận thấy chị Q khai nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cụ thể anh T thường xuyên kiểm chuyện cãi vã, chửi bới đánh đập chị vô cơ. Chị nhẫn nhịn và khuyên anh T khắc phục sửa chữa, để vợ chồng sống hạnh phúc cùng nhau chăm sóc nuôi con, nhưng anh T không thay đổi và ngày càng lạnh nhạt, đối xử tệ bạc với chị hơn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng vợ chồng không hạnh phúc nên chị đã sống ly thân với anh T từ tháng 2 năm 2024 đến nay. Xét lời khai của chị Q thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân giữa chị Q và anh T không đạt được. Phía anh T đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt và không có ý kiến khác phản đối yêu cầu xin ly hôn của chị Q nên hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có hai con chung là Phạm Đăng K, sinh ngày 20/10/2015 hiện nay đang sống với anh T và cháu Phạm Thị Q A, sinh ngày 03/4/2021 hiện nay đang sống với chị Q. Chị Q yêu cầu giao cháu Phạm Đăng K cho anh T và giao cháu Phạm Thị Q A cho chị tiếp tục nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị Q là có căn cứ, bởi lẽ cháu K đang sống với anh T, cháu A đang sống với chị Q. Cháu K có ý kiến và có nguyện vọng muốn sống với anh T nên cần đề ổn định cho cháu về nơi ở và sinh hoạt mọi mặt nên giao cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K. Anh T không tranh chấp về nuôi con chung nên giao cháu A cho chị Q chăm sóc. Chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo qui định pháp luật.

[9] Xét ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án có căn cứ phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, Điều 110 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Nguyệt Q.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Q được quyền ly hôn đối với anh T.

1.2. Về con chung: Giao cháu Phạm Đăng K, sinh ngày 20/10/2015 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Phạm Thị Q A, sinh ngày 03/4/2021 cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Q và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

1.3. Về tài sản chung: Không có.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0012813 ngày 28/4/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chợ Gạo (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Đồng Tháp) nên xem như nộp xong án phí.

3. Quyền kháng cáo: Chị Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh ĐT (thay báo cáo);
- VKSND KV3-ĐT (để giám sát);
- CCTHADS tỉnh ĐT (để thi hành);
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã LĐ;
- Lưu hồ sơ

Nguyễn Thị Mỹ Lil